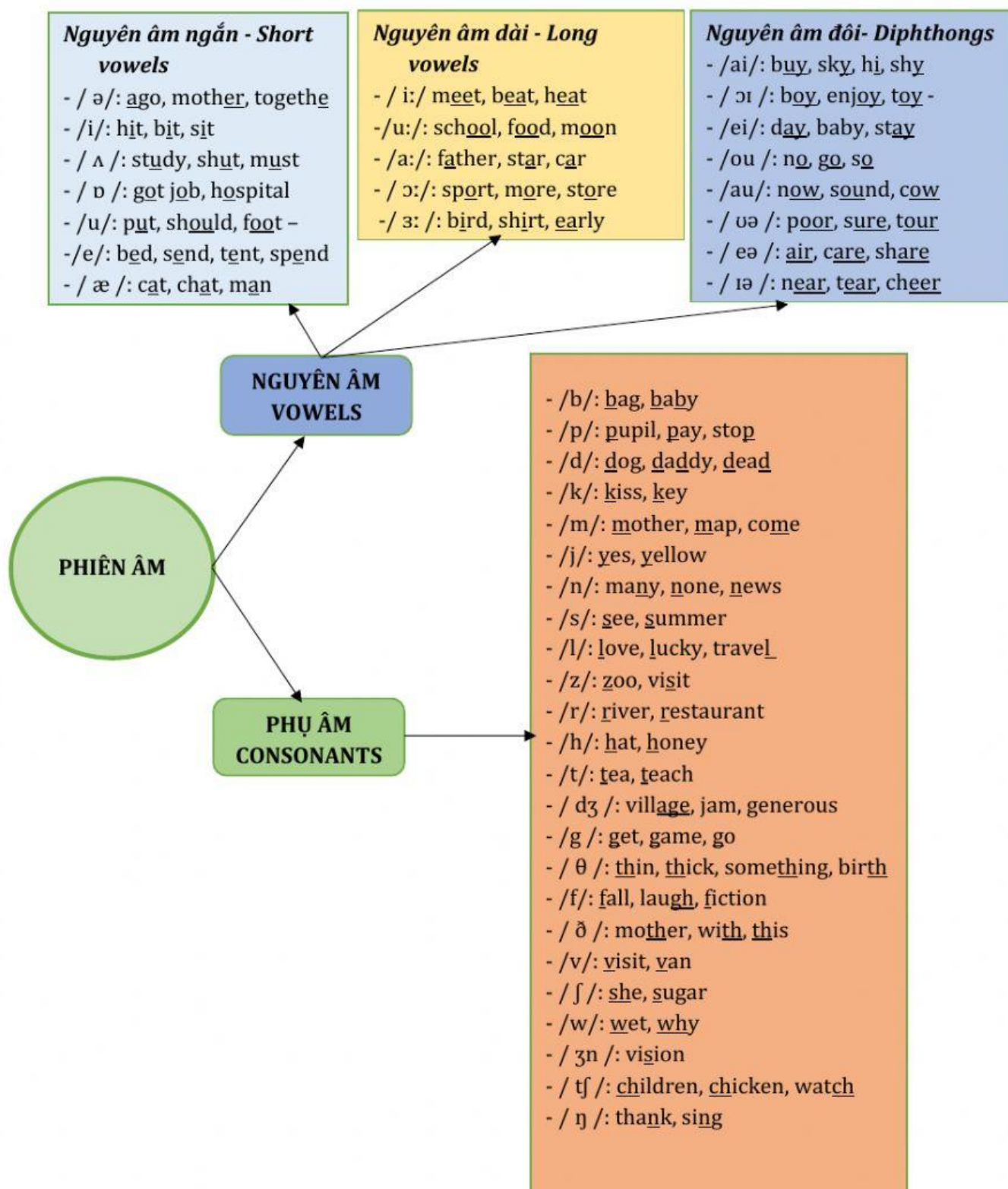
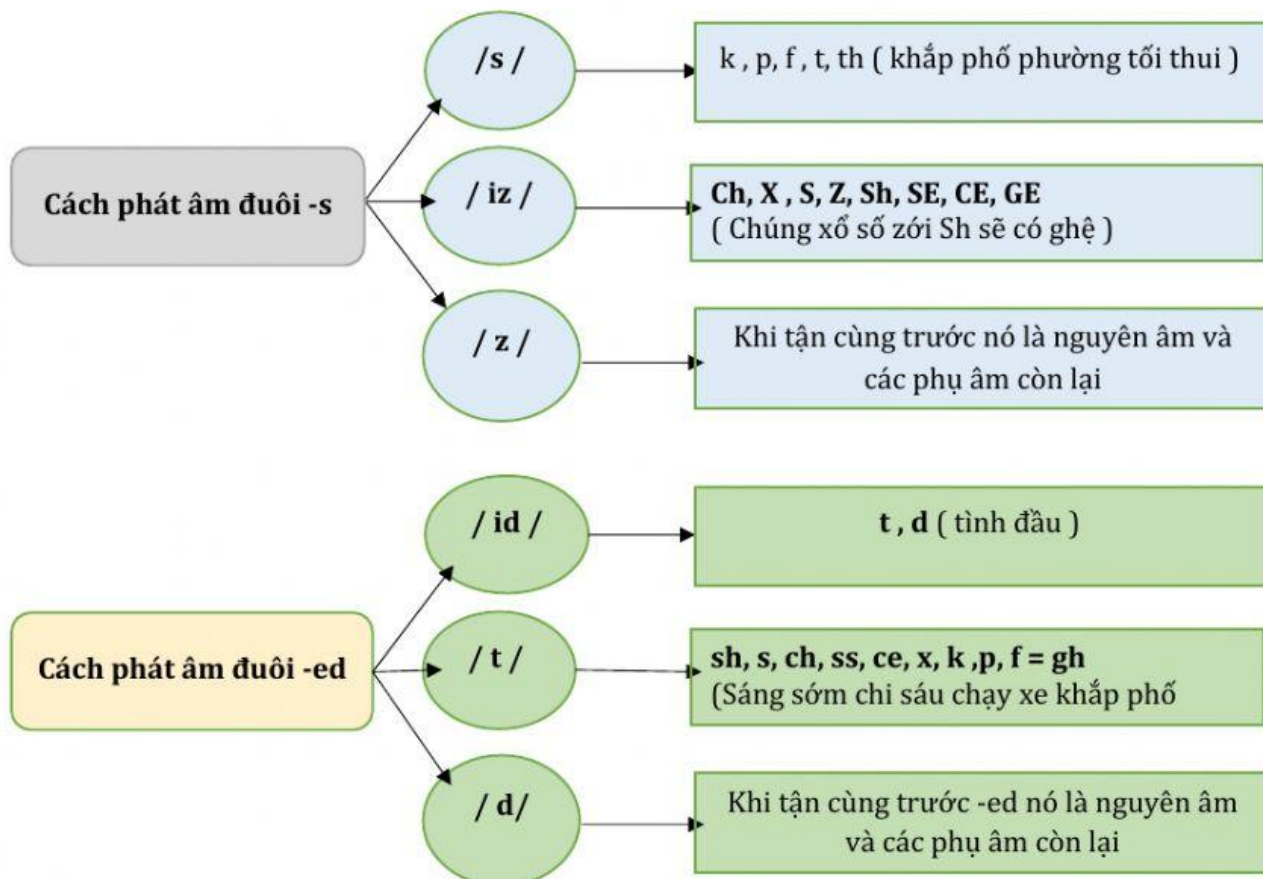


MODULE 1: PRONUNCIATION

PHÁT ÂM



❖ PHÁT ÂM “ ED ” or “ S / ES ”



Note đuôi -s

- “se” đọc là “z” or “s”
- “Ce = S”
- “gh” đọc là “f” : laugh , cough, tough , rough

Note đuôi -ed

Đuôi -ed trong các tính từ sau được phát âm /id/: aged, learned, beloved, blessed, naked, ragged, wicked, blessed, wretched